

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG

Mã nhận dạng sản phẩm	PHT50 Black
Mã sản phẩm	PHT50-K-60
Khuyến nghị sử dụng và hạn chế khi sử dụng	Mực in dùng trong thiết bị in công nghiệp
Tên nhà sản xuất	MIMAKI ENGINEERING CO., LTD. 2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano 389-0512 JAPAN +81-268-64-2413
Số điện thoại khẩn cấp	+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam) +65 3158 1074
Số điện thoại khẩn cấp	+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam) +65 3158 1074

2. NHẬN DIỆN MỐI NGUY

PHÂN LOẠI THEO GHS

Mối nguy vật lý	
Chất lỏng dễ cháy	Không được phân loại

CÁC YẾU TỐ NHÃN THEO GHS

Hình biểu tượng	Không có
Từ báo hiệu	Không có
Các cảnh báo nguy cơ	Không có
Các tuyên bố về phòng ngừa	
Phòng ngừa	Không có
Đáp ứng xử lý	Không có
Bảo quản	Không có
Thải bỏ	Không có

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất hay hỗn hợp	Hỗn hợp
------------------	---------

Tên hóa chất	Hàm lượng	Công thức hóa học	Số đăng ký CAS
Water	65-75%	H ₂ O	7732-18-5
Diethylene Glycol	10-20%	C ₄ H ₁₀ O ₃	111-46-6
Glycerol	1-10%	C ₃ H ₈ O ₃	56-81-5
Polyurethane resin	1-10%	Không xác định	Bí mật
Carbon Black	1-10%	Không xác định	1333-86-4

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

Trong trường hợp hít phải	Di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành. Nếu nạn nhân bị khó thở, hãy cho thở oxy và tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Rửa sạch bằng nhiều xà phòng và nước. Cởi quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Đề nghị sự tư vấn/chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt

Rửa kỹ bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút và tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy khó chịu.

Trong trường hợp nuốt phải

Tuyệt đối không được cho bất cứ thứ gì vào miệng của người đã bất tỉnh. Lập tức gọi cho bác sĩ hoặc Trung tâm kiểm soát chất độc.

5. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp với khu vực xung quanh.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không hạn chế về loại bình chữa cháy có thể sử dụng.

Các mối nguy cụ thể phát sinh từ hóa chất

Khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm có thể được tạo ra trong trường hợp hỏa hoạn.

Các hành động bảo vệ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Như trong bất kỳ vụ hỏa hoạn nào, hãy mang thiết bị thở độc lập và đồ bảo hộ đầy đủ.

Tiến hành dập lửa từ khoảng cách an toàn, và có đủ sự che chắn.

Ngăn chặn không cho nước chữa cháy làm ô nhiễm hệ thống nguồn nước bề mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

6. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO, TỔN THẤT KHI CÓ TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cho cá nhân, dụng cụ bảo hộ và quy trình xử lý trong tình huống khẩn cấp

Sử dụng dụng cụ bảo hộ cá nhân, không hít khí/sương/hơi/giọt bắn.

Đảm bảo thông khí đầy đủ. Loại bỏ tất cả các nguồn gây bốc cháy.

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện.

Sơ tán nhân viên đến các khu vực an toàn. Đảm bảo cho mọi người tránh xa và ở nơi ngược chiều gió với khu vực bị tràn/rò rỉ hóa chất.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa trước rò rỉ hoặc đổ tràn nếu an toàn để thực hiện.

Phải tránh việc thải ra môi trường.

Các biện pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh

Cắt nguồn rò rỉ hết mức có thể.

Giữ cho khu vực rò rỉ thoáng khí.

Thấm hút vật liệu bị đổ tràn bằng cát khô hoặc chất hấp thụ trơ. Trong trường hợp một lượng lớn vật liệu bị đổ tràn, hãy ngăn chặn phần vật liệu tràn bằng cách bao vây.

Loại bỏ tất cả các nguồn gây bốc cháy. Sử dụng các dụng cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ.

Ngăn chặn vật liệu bị đổ tràn, sau đó thu gom bằng máy hút chạy điện có bảo vệ hoặc bằng cách quét ướt rồi cho vào thùng chứa.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Xử lý

Biện pháp kỹ thuật

Sử dụng hệ thống thông gió cục bộ trong trường hợp vật liệu tạo ra khói hoặc sương mù.

Các cơ sở vật chất lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này phải được trang bị thiết bị rửa mắt và vòi sen an toàn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Lời khuyên về xử lý an toàn

Việc xử lý nên được thực hiện ở nơi thông gió tốt.

Tránh để vật liệu tiếp xúc với mắt.

Giữ cho vật liệu tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng.

Bảo quản

Điều kiện bảo quản phù hợp

Giữ cho các thùng chứa luôn đóng kín.

Giữ các thùng chứa ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.

Giữ cho các thùng chứa tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng.

Bảo quản ở nơi tránh xa các vật liệu không tương thích và thùng chứa thực phẩm.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tên hóa chất	ACGIH (TLV)	Vietnam
Glycerol (56-81-5)	không thành lập	không thành lập
Diethylene Glycol (111-46-6)	không thành lập	không thành lập
Carbon Black (1333-86-4)	3 mg/m ³ TWA (inhalable particulate)	3.5 mg/m ³ TWA

Biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo thông gió đầy đủ, đặc biệt là trong những khu vực có không gian hạn chế.

Đảm bảo lắp đặt các trạm rửa mắt và vòi sen an toàn ở gần vị trí trạm làm việc.

Thiết lập lối thoát hiểm và khu vực cần thiết đã được loại bỏ mọi rủi ro.

Xử lý theo các biện pháp an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

Biện pháp bảo vệ cá nhân

Bảo vệ đường hô hấp

Tham khảo ý kiến của chuyên gia về sức khỏe và an toàn để biết thông tin về các loại mặt nạ phòng hơi độc cụ thể phù hợp với mục đích sử dụng của bạn.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo vệ mắt

Mặc quần áo bảo hộ toàn thân, đeo kính chống hóa chất và mặt nạ bảo vệ khi xử lý vật liệu.

Bảo vệ da và cơ thể

Để tránh mọi tiếp xúc, hãy mặc trang phục không thấm như găng tay, tạp dề, ủng hoặc quần áo toàn thân được làm từ cao su tổng hợp, nếu thích hợp.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Hình thức ngoài

Chất lỏng

Trạng thái vật lý

Màu sắc

Màu đen

Mùi

Không có sẵn thông tin

Ngưỡng mùi

Không có sẵn thông tin

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

pH	7–9
Điểm nóng chảy	Không có sẵn thông tin
Điểm sôi	Không có sẵn thông tin
Điểm chớp cháy	không dễ cháy
Tốc độ bay hơi	Không có sẵn thông tin
Tính dễ cháy (rắn, khí)	không dễ cháy
Các giới hạn cháy hoặc nổ	Không có sẵn thông tin
Áp suất hơi	Không có sẵn thông tin
Tỷ trọng hơi	Không có sẵn thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có sẵn thông tin
(Các) tính tan	Không có sẵn thông tin
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Không có sẵn thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn thông tin
Độ nhớt	3–5mPa·s

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Độ ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện vận hành và bảo quản thích hợp.
Điều kiện cần tránh	Vật liệu, nguồn nhiệt, ngọn lửa và tia lửa không tương thích.
Vật liệu không tương thích	Kiểm, natri, canxi, và kim loại hoạt động khác, halogen, oxit của kim loại, oxit của phi kim, acyl halide và phosphide kim loại. Chất oxy hóa, kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ và nhôm.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Tiếp xúc với các chất không tương thích có thể gây ra sự phân hủy hoặc các phản ứng hóa học khác. Khi tiếp xúc với các kim loại hoạt động (kim loại kiềm, Na, Ca, v.v...) sẽ gây ra phản ứng và giải phóng hydro. Khi tiếp xúc với chất oxy hóa sẽ gây ra các phản ứng dữ dội và có thể gây cháy hoặc nổ. Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, không được làm sinh ra các sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC HỌC

Độc tính cấp tính (Đường miệng)	Glycerol (56–81–5) LD ₅₀ Chuột 12,600 mg/kg Carbon Black (1333–86–4) LD ₅₀ Chuột >15,400 mg/kg
Độc tính cấp tính (Trên da)	Glycerol (56–81–5) LD ₅₀ Thỏ >10,000 mg/kg Carbon Black (1333–86–4) LD ₅₀ Thỏ > 3,000 mg/kg
Độc tính cấp tính (Hít phải: khí)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính cấp tính (Hít phải: hơi)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính cấp tính (Hít phải: bụi/sương)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ăn mòn/kích ứng da	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Gây mẫn cảm cho đường hô hấp	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Gây mẫn cảm cho da	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Khả năng gây ung thư	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đối với sự sinh sản	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đối với sự sinh sản, ảnh hưởng đến hoặc thông qua tiết sữa	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đến cơ quan cụ thể – Phơi nhiễm một lần	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Độc tính đến cơ quan cụ thể – Phơi nhiễm lặp lại	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng
Mối nguy hít phải	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Độc tính cấp tính	Glycerol (56-81-5) LC ₅₀ Cá 885mg/L(96h) Carbon Black (1333-86-4) LC ₅₀ Cá >1,000 mg/L(96h)
Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Độc tính mạn tính	Không có sẵn thông tin.
Nguy hại đối với tầng ozon	Không có sẵn thông tin.

13. XEM XÉT THẢI BỎ

Chất thải còn lại	Thải bỏ chất thải theo quy định của địa phương, quận huyện và tỉnh thành. Khuyến nghị sử dụng phương pháp xử lý thiêu hủy.
Thùng chứa và bao bì bị nhiễm bẩn	Các thùng chứa vẫn có thể gây nguy hiểm về hóa chất ngay cả khi rỗng. Hãy giữ thùng chứa tránh xa nguồn nóng và để gây bốc cháy.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Quy định quốc tế	
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm để vận chuyển.
IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm để vận chuyển.
ADR	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm để vận chuyển.

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Số 69/2025/QH15: Luật Hóa chất	
Số 24/2026/NĐ-CP: Quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất	
Số 26/2026/NĐ-CP: Quy định chi tiết về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa	

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Số 01/2026/TT-BCT: Hướng dẫn phân loại, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất

Phân tích thành phần – Danh mục kiểm kê

Glycerol (56-81-5)

TSCA – United States	ENCS – Japan	IECSC – China	DSL – Canada	PICCS – Philippines	AIICS – Australia	EINECS/ELIN CS – European Union	NZIoC – New Zealand
Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

Carbon Black (1333-86-4)

TSCA – United States	ENCS – Japan	IECSC – China	DSL – Canada	PICCS – Philippines	AIICS – Australia	EINECS/ELIN CS – European Union	NZIoC – New Zealand
Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

16. THÔNG TIN KHÁC

Tài liệu tham khảo

Dữ liệu khác

1) SDS về vật liệu thô

2) IPCS: Thẻ An toàn Hóa chất Quốc tế (ICSC)

Thông tin được cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này không đầy đủ và chỉ nên được sử dụng như một hướng dẫn.

Độ chính xác của các thông tin và khuyến nghị được đưa ra trong tài liệu này là đáng tin cậy. Tuy nhiên, công ty không đảm bảo về những thông tin và khuyến nghị này, đồng thời từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với sự tin cậy đó.